

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Kiểm tra kiến thức, kĩ năng trong chương trình học kì II đã học của môn Ngữ văn lớp 8 theo 3 phân môn Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn.

- Kiểm tra năng lực đọc - hiểu và tạo lập văn bản của học sinh.

2. Năng lực:

- Năng lực vận dụng kiến thức Ngữ văn để giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống.

- Vận dụng linh hoạt theo hướng tích hợp các kiến thức và kĩ năng cả ba phân môn Văn bản, Tiếng Việt và Tập làm văn trong môn Ngữ văn vào một bài kiểm tra.

- Năng lực tư duy, năng lực sáng tạo, năng lực ghi nhớ.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ

- Trung thực khi làm bài kiểm tra.

- Yêu đất nước, con người.

II. MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ

1. Ma trận đề

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Văn bản trong SGK	1 TL 1 TL*	1 TL*		1 TL*	50
		Văn bản ngoài SGK	1 TL	1 TL			
2	Viết	Đoạn văn nghị luận văn học	1 TL*	1 TL*	1 TL*	1 TL*	50
		Đoạn văn nghị luận xã hội	1 TL*	1 TL*	1 TL*	1 TL*	
Tổng			25 15	20 10	5 15	10	100
Tỉ lệ %			40%	30%	20%	10%	
Tỉ lệ chung			70%		30%		



2. Bảng đặc tả đề kiểm tra

TT	Kỹ năng Chương g/ chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Khi con tu hú - Ngắm trăng - Chiều dòi dờ - Hịch tướng sĩ - Nước Đại Việt ta - Bàn luận về phép học - Câu cầu khiến - Câu cảm thán - Câu trần thuật - Câu phủ định - Hành động nói 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết tác giả, tác phẩm, đề tài, chi tiết tiêu biểu, PTBD - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp và các biện pháp tu từ trong văn bản. - Nhận biết được câu cầu khiến, câu cảm thán, câu trần thuật, câu phủ định, hành động nói. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con 	2 TL 1 TL*	1 TL 1 TL*	1 TL*	

			<p>người của tác giả qua văn bản.</p> <p>- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.</p> <p>- Đánh giá được nét độc đáo của văn bản thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.</p>				
2	Viết	Viết đoạn văn nghị luận văn học	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng: Viết được đoạn văn nghị luận văn học trình bày cảm nhận về một đoạn thơ hoặc một vấn đề của tác phẩm trong đó có sử dụng yếu tố tiếng Việt.</p> <p>Vận dụng cao:</p>	1 TL*	1 TL*	1 TL*	1 TL*
		Viết đoạn văn nghị luận xã hội	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao: Viết đoạn văn nghị luận xã hội nêu được bài học liên hệ bản thân</p>	1 TL*	1 TL*	1 TL*	1 TL*
Tổng				40	30	20	10
Tỉ lệ %				40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung				70%		30%	



Phần I: (6,5 điểm)

Câu 1: Cho câu thơ sau: “Ngục trung vô tử diệp vô hoa”

Chép chính xác những câu thơ tiếp theo để hoàn thiện bài thơ. Đây là bài thơ nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Xét về mục đích nói, kiểu câu của câu thứ hai trong nguyên tác có gì khác so với bản dịch thơ? Sự khác nhau đó có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3: Viết đoạn văn tổng phân hợp khoảng 12 câu nêu cảm nhận về hoàn cảnh và tâm trạng ngấm trắng của Bác Hồ trong hai câu thơ đầu. Trong đoạn văn có sử dụng 1 câu cảm thán (gạch chân, chú thích)

Câu 4: Kể tên một bài thơ cùng của tác giả trên trong chương trình Ngữ văn 8 học kì II.

Phần II: (3.5 điểm) Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu:

BỐN NGỌN NẾN

Trong một căn phòng lặng thinh có bốn ngọn nến đang cháy. Ngọn nến thứ nhất nói:

- Tôi là biểu tượng của hòa bình, thế giới này rất cần tôi.

Ngọn nến thứ hai nói:

- Tôi là biểu tượng của lòng trung thành. Hơn tất cả, mọi người đều cần đến tôi.

Ngọn nến thứ ba lên tiếng:

- Tôi là biểu tượng của tình yêu, hãy tưởng tượng xem thế giới sẽ ra sao nếu không có tình yêu, thế giới thực sự rất cần đến tôi.

Đột nhiên, cánh cửa căn phòng mở tung, một làn gió lùa vào thổi tắt cả ba ngọn nến. Cậu bé chạy vào ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao ba ngọn nến lại tắt?

Cậu bé òa khóc, lúc này ngọn nến thứ tư mới lên tiếng:

- Đừng khóc cậu bé, khi nào tôi còn cháy sáng thì cậu vẫn còn có thể thắp sáng cả ba ngọn nến kia lại. Bởi vì tôi chính là hiện thân của hi vọng.

Lúc này, cậu bé không khóc nữa và cầm ngọn nến thứ tư lần lượt thắp sáng cả ba ngọn nến còn lại.

(Những câu chuyện khơi nguồn trí tuệ - Trương Thiết Thành - NXB văn hóa)

Câu 1: Nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên. Xác định kiểu hành động nói trong câu *Tôi là biểu tượng của lòng trung thành.*

Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đặc sắc trong văn bản trên.

Câu 3: Từ văn bản trên và những hiểu biết xã hội, em hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy thi bàn về ý nghĩa của niềm hi vọng đối với mỗi người trong cuộc sống hiện đại ngày nay.

-----HẾT-----

Phần I (6,5 điểm): Câu 1 (1 điểm); Câu 2 (1,5 điểm); Câu 3 (3,5 điểm); Câu 4 (0,5 điểm)

Phần II (3,5 điểm): Câu 1 (0,5 điểm); Câu 2 (1 điểm); Câu 3 (2 điểm)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I (6,5điểm)	1 (1,0đ)	- Chép chính xác bài thơ. (Hai lỗi sai trừ 0,25đ) - Bài thơ “Vọng nguyệt” – “Ngắm trăng”. - Tác giả: Hồ Chí Minh	0,5 0,25 0,25
	2 (1,5đ)	- Nguyên tác: “Đôi thử lương tiêu nại nhược hà?": Câu nghi vấn. - Bản dịch thơ: “Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ”: Câu trần thuật. → Ý nghĩa sự khác nhau: - Câu nghi vấn: Bộc lộ cảm xúc bối rối, xao xuyến của Bác trước cảnh trăng đẹp. - Câu trần thuật: Trình bày. Cảm xúc bối rối, xao xuyến của Bác trước cảnh trăng đẹp bị giảm bớt.	0,25 0,25 0,5 0,5
	3 (3.5đ)	* Hình thức: - Đúng hình thức đoạn văn tổng phân hợp đảm bảo số câu. - Đoạn văn có sử dụng một câu cảm thán, xác định được câu cảm thán, đoạn văn diễn đạt trong sáng, không sai chính tả... * Nội dung: HS trình bày đảm bảo các nội dung sau: - MĐ: Giới thiệu, dẫn dắt vấn đề - TĐ: a. Hoàn cảnh ngắm trăng: - Hoàn cảnh: “ngục trung” (trong tù) tối tăm, bị giam cầm. Thông thường, người xưa ngắm trăng khi thanh thoi, thư thái. - Điệp từ “vô” + chữ “diệc” (cũng) + liệt kê: “tửu, hoa”: hoàn cảnh thiếu thốn mọi thứ: không rượu cũng không hoa. => Hoàn cảnh ngắm trăng rất đặc biệt. b. Tâm trạng ngắm trăng: - Câu hỏi tu từ: “Đôi thử lương tiêu nại nhược hà?": tâm trạng bối rối, xốn xang, băn khoăn của Bác trước cảnh đẹp đêm trăng. => Tâm hồn nhạy cảm, tinh tế; tình yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp vượt lên trên khó khăn ngục tù của Bác. - Trong phần dịch thơ, cụm từ “nại nhược hà” dịch thành “khó hững hờ”, biến câu nghi vấn thành câu trần thuật.	0,5 0,5 0,25 0,75 0,25 0,25 0,25

		=> Mất đi sự tinh tế trong cảm nhận, chưa diễn tả được hết tâm trạng của Bác. - Nghệ thuật: thể thơ thất ngôn tứ tuyệt giản dị mà hàm súc, câu hỏi tu từ, điệp ngữ. - KĐ : Khẳng định và nâng cao vấn đề.	0,25 0,25 0,25
	4 (0,5đ)	HS kể tên được bài thơ có cùng tác giả trong chương trình Ngữ văn 8 kì II.	0,5
II (3.5 điểm)	1 (0,5đ)	- PTBD chính: tự sự - Hành động nói: Trình bày	0,25 0,25
	2 (1,0đ)	- Biện pháp tu từ đặc sắc là: nhân hóa, hình ảnh nhân hóa: “những ngọn nến nói” - Tác dụng: + Phép nhân hóa làm cho hình ảnh những ngọn nến trở nên sinh động gần gũi + Câu chuyện trở nên hấp dẫn, thông điệp mang tính chất triết lí mà nhà văn gửi tới trở nên nhẹ nhàng thấm thía sâu sắc.	0,5 0,5
	3 (2,0đ)	- Hình thức : Đảm bảo hình thức đoạn văn, đủ số câu quy định, không qua ngắn hoặc quá dài. - Nội dung : Học sinh có thể tự do lập luận song cần đảm bảo những nội dung sau: + Khái niệm + Biểu hiện + Ý nghĩa + Phản biện + Liên hệ bản thân	0,5 1,5

Ban giám hiệu



Dương Văn Tuynh

Tổ trưởng



Đào Thị Khanh

Nhóm trưởng



Đào Lệ Thanh

GV ra đề



Phùng Thị Phương Thảo

Phần I: (6.5 điểm)

Câu 1: Cho câu thơ sau: “*Ta nghe hè dậy bên lòng*”

Chép chính xác ba câu thơ tiếp theo để hoàn thiện khổ thơ. Khổ thơ em vừa chép trích trong bài thơ nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Câu thơ thứ hai trong đoạn thơ em vừa chép thuộc kiểu câu gì? Vì sao em biết? Nêu tác dụng của kiểu câu đó?

Câu 3: Viết đoạn văn tổng - phân - hợp khoảng 12 câu trình bày cảm nhận về tâm trạng của người tù cách mạng trong khổ thơ vừa chép. Trong đoạn văn có sử dụng 1 câu nghi vấn (gạch chân, chú thích).

Câu 4: Kể tên một bài thơ trong chương trình Ngữ văn 8 cũng có kết cấu đầu cuối tương ứng giống bài thơ có khổ thơ em vừa chép. Ghi rõ tên tác giả.

Phần II: (3.5 điểm) Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Lòng biết ơn là một trí tuệ tuyệt vời trong cuộc sống, xuất phát từ tình yêu và hy vọng. Lòng biết ơn là một cảm giác đẹp, một tâm lý lành mạnh, một lương tâm và một động lực. Với lòng biết ơn, cuộc sống sẽ được nuôi dưỡng và ánh sáng tinh khiết sẽ luôn lóe lên.

Luôn biết ơn, luôn bày tỏ lòng biết ơn và tha thứ ngay cả với những người đã làm tổn thương chính mình, cuộc sống sẽ đủ đầy, hạnh phúc. Người biết ơn cuộc đời, cuộc đời sẽ đền đáp. Biết ơn cha mẹ, biết ơn món quà của thiên nhiên, biết ơn những món ăn ngọt ngào, biết ơn sự ấm áp của quần áo, biết ơn hoa lá, cỏ cây và côn trùng, biết ơn về nghịch cảnh đau khổ, biết ơn cả đối thủ.

... Chỉ những người biết ơn mới có thể gạt hái được nhiều hạnh phúc hơn trong cuộc sống và họ cũng có thể từ bỏ sự đổ lỗi vô nghĩa. Những người biết ơn sẽ tràn đầy sức sống, cởi mở và khôn ngoan, họ luôn nhận được may mắn và cuộc sống ít gặp rắc rối.

(Trích báo điện tử “*Nhịp cầu đầu tư*”, số ra ngày 04/6/2020)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

Câu 3: Nêu tác dụng của một biện pháp tu từ trong câu văn sau: “*Biết ơn cha mẹ, biết ơn món quà của thiên nhiên, biết ơn những món ăn ngọt ngào, biết ơn sự ấm áp của quần áo, biết ơn hoa lá, cỏ cây và côn trùng, biết ơn về nghịch cảnh đau khổ, biết ơn cả đối thủ.*”

Câu 3: Từ văn bản trên và những hiểu biết xã hội, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của lòng biết ơn trong cuộc sống.

-----HẾT-----

Phần I (6,5 điểm): Câu 1 (1 điểm); Câu 2 (1,5 điểm); Câu 3 (3,5 điểm); Câu 4 (0,5 điểm)

Phần II (3,5 điểm): Câu 1 (0,5 điểm); Câu 2 (1 điểm); Câu 3 (2 điểm)

Đề số 02

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I (6,5 điểm)	1 (1,0đ)	- Chép chính xác khổ thơ bắt đầu bằng câu thơ “Ta nghe hè dậy bên lòng” (<i>Hai lỗi sai trừ 0,25đ</i>)	0,5
		- Bài thơ “ <i>Khi con tu hú</i> ”	0,25
		- Tác giả: Tố Hữu	0,25
	2 (1,5đ)	- Kiểu câu: cảm thán	0,5
		+ Có từ ngữ cảm thán “ôi”, cuối câu kết thúc bằng dấu chấm than.	0,5
		- Tác dụng: Bộc lộ trực tiếp cảm xúc của nhân vật trữ tình: đau khổ, ngột ngạt cao độ và niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát khỏi cảnh tù ngục để trở về với cuộc sống tự do.	0,5
	3 (3.5đ)	* Hình thức: đoạn văn tổng- phân- hợp đảm bảo số câu đoạn văn diễn đạt trong sáng, không sai chính tả...	0,5
		- TV: Đoạn văn có sử dụng một câu ghép. xác định được câu ghép.	0,5
		* Nội dung: HS trình bày đảm bảo các nội dung sau:	
- Mở đoạn: Giới thiệu khái quát bài thơ, tác giả, dẫn dắt đến khổ 2.		0,25	
- Thân đoạn: Nêu được các nội dung sau			
+ Tâm trạng của người tù cách mạng: Đau khổ, ngột ngạt được nhà thơ biểu đạt trực tiếp.		0,5	
+ Bốn câu lục bát ngắt nhịp bất thường 6/2, 3/3, dùng hai câu cảm thán liên tiếp cùng với việc sử dụng các động từ mạnh: Đạp tan phòng, chết uất, các thán từ "Ôi, thôi, làm sao" đoạn thơ trở thành tiếng kêu phẫn uất của người mất tự do.	0,5		
+ Cùng với tiếng kêu ấy chính là tâm trạng bực bội, ngột ngạt muốn phá tan xiềng xích của người tù cách mạng	0,25		
+ Niềm khát khao tự do cháy bỏng của người tù muốn thoát ra khỏi tù ngục trở về với cuộc sống tươi đẹp tự do bên ngoài. Cảnh bên ngoài đẹp bao nhiêu, rức rở bao nhiêu thì người tù càng đau đớn sôi sục bấy nhiêu. Đó là ý chí bất khuất kiên cường của người tù.	0,5		
			0,25

		<p>+ Tiếng kêu của con chim tu hú là tiếng gọi thiết tha của tự do, của sự sống đầy quyến rũ với người tù CM trẻ tuổi.</p> <p>=> Nghệ thuật: Thể thơ lục bát, cách ngắt nhịp bất thường, sử dụng nhiều động từ mạnh, câu cảm thán...</p> <p>- Kết đoạn: Khẳng định và nâng cao vấn đề.</p>	0,25
	4 (0,5đ)	<p>HS kể tên bài thơ trong chương trình Ngữ văn 8 cũng có kết cấu đầu cuối tương ứng:</p> <p>- Bài thơ “Ông đồ”.</p> <p>- Tác giả: Vũ Đình Liên</p>	0,5
II (3.5 điểm)	1 (0,5đ)	- PTBD chính: Nghị luận	0,5
	2 (1,0đ)	<p>- Biện pháp tu từ: HS có thể chọn 01 trong 02 biện pháp nghệ thuật sau:</p> <p>(1) <i>Liệt kê: Biết ơn cha mẹ, biết ơn món quà của thiên nhiên, biết ơn những món ăn ngọt ngào, biết ơn sự ấm áp của quần áo, biết ơn hoa lá, cỏ cây và côn trùng, biết ơn về nghịch cảnh đau khổ, biết ơn cả đối thủ.</i></p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Làm cho lời văn thêm phong phú, sinh động, gợi tả, gợi cảm; tăng sức hấp dẫn, lôi cuốn với người đọc người nghe.</p> <p>+ Diễn tả đầy đủ, cụ thể những biểu hiện cụ thể của lòng biết ơn.</p> <p>+ Thể hiện tình cảm yêu mến, trân trọng của tác giả và tha thiết mong muốn lan tỏa tình cảm đẹp đẽ này đến mọi người.</p> <p>(2): <i>Điệp ngữ: biết ơn.</i></p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Làm cho lời văn thêm phong phú, sinh động, gợi tả, gợi cảm; tăng sức hấp dẫn, lôi cuốn với người đọc người nghe.</p> <p>+ Nhấn mạnh/ làm nổi bật những biểu hiện cụ thể của lòng biết ơn.</p> <p>+ Thể hiện tình cảm yêu mến, trân trọng của tác giả và tha thiết mong muốn lan tỏa tình cảm đẹp đẽ này đến mọi người.</p>	0,5 0,5

	3 (2,0đ)	- Hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn, đủ số câu quy định, không qua ngắn hoặc quá dài. - Nội dung: Học sinh có thể tự do lập luận song cần đảm bảo những nội dung sau: + Khái niệm + Biểu hiện + Ý nghĩa + Phản biện + Liên hệ bản thân	0,5 1,5
--	-------------	--	----------------

Ban giám hiệu

Tổ trưởng

Nhóm trưởng

GV ra đề



Dương Văn Tuynh

Đào Thị Khanh

Đào Lê Thanh

Nguyễn Thị Tinh

